

DỰ THẢO 2.1

NGHỊ ĐỊNH
Quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông,
Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định về việc quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước.

2. Nghị định này không áp dụng đối với việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin thuộc phạm vi bí mật nhà nước được quy định tại Luật Bảo vệ bí mật nhà nước. Việc chia sẻ dữ liệu số chứa thông tin bí mật nhà nước theo quy định hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với các cơ quan nhà nước bao gồm các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp; các tổ chức, cá nhân có các hoạt động khai thác dữ liệu mở của cơ quan nhà nước được quyết định chia sẻ công khai.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Dữ liệu số*: là dữ liệu biểu diễn bằng tín hiệu số. Trong Nghị định này, dữ liệu số được viết tắt là dữ liệu.

2. *Cấu trúc dữ liệu trao đổi*: là cấu trúc của các thông điệp dữ liệu được trao đổi giữa các hệ thống thông tin.

3. *Thỏa thuận chia sẻ dữ liệu*: là hình thức thỏa thuận bằng văn bản hoặc quy chế phối hợp về việc cung cấp dữ liệu của một hoặc nhiều cơ quan nhà nước cho một hoặc nhiều cơ quan nhà nước khác thống nhất tham gia.

4. *Dịch vụ chia sẻ dữ liệu*: là các dịch vụ phục vụ việc cung cấp, chia sẻ dữ liệu cho cơ quan, tổ chức, cá nhân khai thác qua các hệ thống thông tin.

5. *Dữ liệu mở*: là dữ liệu có thể phổ biến mà không bị hạn chế hoặc bị hạn chế tối thiểu bởi cơ quan có thẩm quyền.

6. *Chia sẻ dữ liệu mặc định*: là hình thức chia sẻ trong đó cơ quan cung cấp chuẩn bị và cung cấp dữ liệu thông qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu cho nhiều cơ quan nhà nước sử dụng phù hợp nhiều mục đích khác nhau. (*PA2: là hình thức chia sẻ những dữ liệu mà nhiều cơ quan, tổ chức, cá nhân có nhu cầu được chia sẻ, sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu thông qua các giao diện lập trình do cơ quan cung cấp dữ liệu cung cấp, và các cơ quan, tổ chức có nhu cầu được chia sẻ dữ liệu yêu cầu sử dụng các giao diện lập trình chia sẻ dữ liệu này qua cơ chế đăng ký với cơ quan cung cấp dữ liệu*)

7. *Chia sẻ dữ liệu theo thỏa thuận*: là hình thức chia sẻ dữ liệu đặc thù giữa hai hay nhiều cơ quan nhà nước hoặc giữa cơ quan nhà nước với tổ chức. Việc chia sẻ dữ liệu thực hiện theo thỏa thuận chia sẻ dữ liệu được thống nhất giữa các bên.

8. *Dữ liệu dùng chung*: là dữ liệu được xây dựng tập trung và sử dụng chung bởi nhiều cơ quan nhà nước.

9. *Dữ liệu danh mục dùng chung*: là dữ liệu chứa thông tin của các danh mục dùng chung được tham chiếu bởi nhiều các cơ sở dữ liệu khác nhau.

10. *Khung chia sẻ dữ liệu*: là tài liệu hướng dẫn việc quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu của các cơ quan nhà nước do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành và cập nhật theo từng thời kỳ đáp ứng nhu cầu thực tế về kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước.

Điều 4. Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ

Giá trị pháp lý của dữ liệu được chia sẻ thực hiện theo quy định tại Mục 1, Chương II của Luật Giao dịch điện tử.

Điều 5. Nguyên tắc chung về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu

1. Dữ liệu hình thành trong hoạt động của cơ quan nhà nước được chia sẻ phục vụ các hoạt động của cơ quan nhà nước hướng tới phục vụ người dân, doanh nghiệp tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Cơ quan nhà nước phải có trách nhiệm chia sẻ dữ liệu với cơ quan nhà nước khác; cơ quan có nhu cầu khai thác dữ liệu không đề nghị cung cấp thông tin bằng văn bản đến cơ quan cung cấp dữ liệu; không thu thập, tổ chức thu thập

lại dữ liệu nếu đã kết nối và nhận được dữ liệu từ cơ quan cung cấp hoặc cơ quan cung cấp dữ liệu cần thu thập đã sẵn sàng chia sẻ dữ liệu trừ trường hợp dữ liệu sẵn có không đảm bảo yêu cầu về chất lượng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn chuyên ngành đặc thù hoặc pháp luật có quy định khác.

3. Việc chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước không làm ảnh hưởng tới quyền lợi và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật liên quan tới dữ liệu được chia sẻ.

4. Dữ liệu chia sẻ phải đảm bảo tính cập nhật và chính xác.

Điều 6. Phân loại dữ liệu chia sẻ và quyền khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ

1. Dữ liệu chia sẻ bao gồm:

- a) Chia sẻ dữ liệu mặc định;
- b) Chia sẻ dữ liệu theo thỏa thuận;
- c) Chia sẻ dữ liệu mở;
- d) Chia sẻ dữ liệu cho tổ chức, cá nhân.

2. Quyền khai thác, sử dụng dữ liệu chia sẻ:

a) Đối với dữ liệu chia sẻ theo mặc định: thực hiện theo quy định của cơ quan cung cấp dữ liệu.

b) Đối với dữ liệu chia sẻ theo thỏa thuận: thực hiện theo thỏa thuận giữa cơ quan cung cấp và cơ quan khai thác dữ liệu.

c) Đối với dữ liệu mở: thực hiện theo Khoản 5, Điều 3 của Nghị định này.

d) Đối với dữ liệu chia sẻ cho tổ chức, cá nhân: thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 7. Yêu cầu trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu

Cơ quan nhà nước thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ các yêu cầu sau:

1. Tổ chức, quản lý dữ liệu phải đảm bảo thuận lợi cho việc chia sẻ và khai thác dữ liệu.

2. Tuân thủ các quy định về bảo mật thông tin, các quy định về quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến dữ liệu, quyền riêng tư của tổ chức, cá nhân.

3. Đảm bảo dữ liệu chia sẻ phải có khả năng xử lý được bằng thiết bị số.

4. Tuân thủ các quy định, hướng dẫn kỹ thuật về trao đổi dữ liệu, về ứng dụng công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước và các nguyên tắc được quy định tại Điều 5 của Nghị định này.

5. Tuân thủ Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, kiến trúc chính phủ điện tử cấp bộ, kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh.

Điều 8. Các hành vi không được làm (PA2: Các hành vi bị nghiêm cấm)

1. Cản trở hoạt động kết nối, quyền khai thác và sử dụng dữ liệu hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật.

2. Mua bán, chia sẻ dữ liệu trái quy định của pháp luật.

3. Vi phạm các quy định về quyền sở hữu trí tuệ, bản quyền tác giả khi kết nối, chia sẻ dữ liệu.

4. Làm sai lệch dữ liệu trong quá trình lưu chuyển dữ liệu từ cơ quan cung cấp dữ liệu tới cơ quan khai thác dữ liệu.

5. Phá hoại cơ sở hạ tầng thông tin, làm gián đoạn việc kết nối, trao đổi dữ liệu.

Chương II

QUẢN LÝ DỮ LIỆU TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC VÀ ĐẢM BẢO KHẢ NĂNG SẢN SÀNG KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU

Mục 1

QUẢN LÝ DỮ LIỆU TRONG CƠ QUAN NHÀ NƯỚC

Điều 9. Nguyên tắc quản lý dữ liệu trong cơ quan nhà nước

1. Dữ liệu trong các cơ quan nhà nước được tổ chức thống nhất và có quan hệ chặt chẽ với nhau; được phân cấp quản lý theo trách nhiệm quản lý của các cơ quan nhà nước.

2. Dữ liệu về mỗi đối tượng thực thể cơ bản được cơ quan nhà nước thu thập, cập nhật từ các nguồn có giá trị pháp lý và do duy nhất một cơ quan nhà nước có thẩm quyền quản lý. Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm từng bước hoàn thiện các cơ sở dữ liệu hiện có và xây dựng các cơ sở dữ liệu mới theo hướng tham chiếu tới các nguồn dữ liệu tin cậy duy nhất để đảm bảo sự đồng bộ dữ liệu, giảm chi phí thu thập dữ liệu.

3. Dữ liệu về cá nhân, tổ chức phục vụ quản lý nhà nước chỉ được thu thập một lần. Các cơ quan nhà nước không được yêu cầu cá nhân, tổ chức cung cấp lại dữ liệu đã có trong cơ sở dữ liệu của các cơ quan nhà nước khác nếu dữ liệu

đã sẵn sàng chia sẻ đáp ứng yêu cầu trừ trường hợp cập nhật thông tin hoặc sử dụng cho mục đích xác minh, thẩm tra dữ liệu.

Điều 10. Tổ chức, quản lý dữ liệu

1. Nội dung tổ chức, quản lý dữ liệu:

- a) Thu thập dữ liệu, tạo lập dữ liệu để hình thành các cơ sở dữ liệu;
- b) Quản lý, duy trì, cập nhật dữ liệu, quản lý sự thay đổi dữ liệu;
- c) Sử dụng hiệu quả dữ liệu;
- d) Đảm bảo khả năng sẵn sàng chia sẻ dữ liệu;
- đ) Tiếp nhận yêu cầu chia sẻ dữ liệu;
- e) Thực hiện chia sẻ dữ liệu.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm triển khai các hoạt động tổ chức, quản lý dữ liệu theo quy định tại Khoản 1 Điều này, tuân thủ các quy định của pháp luật và Khung chia sẻ dữ liệu.

Điều 11. Cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước

1. Cơ sở dữ liệu trong cơ quan nhà nước bao gồm: Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương theo quy định tại Điều 58, Điều 59 Luật Công nghệ thông tin.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành, cập nhật danh mục các cơ sở dữ liệu quốc gia.

3. Đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của các Bộ, ngành, địa phương xây dựng và trình Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương ban hành, cập nhật danh sách các cơ sở dữ liệu thuộc Bộ, ngành, địa phương quản lý.

4. Chính phủ ưu tiên đầu tư xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, doanh nghiệp làm nền tảng phát triển chính phủ điện tử.

Điều 12. Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia, duy trì danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia

1. Cơ quan chủ quản cơ sở dữ liệu quốc gia gửi văn bản đề nghị bổ sung cơ sở dữ liệu vào danh mục, chỉnh sửa danh mục hoặc rút cơ sở dữ liệu do mình làm chủ quản khỏi danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia kèm lý do đề nghị gửi Bộ Thông tin và Truyền thông tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia.

2. Trong trường hợp đề nghị bổ sung cơ sở dữ liệu vào danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia cần gửi kèm thuyết minh chi tiết về cơ sở dữ liệu đề nghị bao gồm các nội dung chính sau:

- a) Mục tiêu xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia;
- b) Phạm vi dữ liệu trong cơ sở dữ liệu quốc gia tới từng trường dữ liệu;
- c) Đối tượng và mục đích sử dụng, khai thác cơ sở dữ liệu quốc gia;
- d) Nguồn thông tin xây dựng và cập nhật vào cơ sở dữ liệu quốc gia;
- đ) Các nội dung khác theo yêu cầu của Bộ Thông tin và Truyền thông;

3. Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia được cập nhật định kỳ, hoặc khi có đề nghị của các Bộ, ngành, địa phương.

Mục 2 **DỮ LIỆU MỞ CỦA CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

Điều 13. Quản lý dữ liệu mở

Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quản lý dữ liệu mở như sau:

1. Cải thiện chất lượng, tính toàn vẹn và tính sử dụng của dữ liệu mở cho người sử dụng trong và ngoài phạm vi cơ quan mình:

a) Sử dụng định dạng mở cho dữ liệu mở của cơ quan nhà nước được tạo ra hoặc thu thập sau khi Nghị định này có hiệu lực.

b) Khuyến khích việc áp dụng định dạng mở cho tất cả dữ liệu mở được tạo ra hoặc thu thập trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực trong khả năng của mình.

2. Xây dựng kế hoạch về dữ liệu mở bao gồm kế hoạch thực hiện công bố dữ liệu mở trong đó phải thể hiện mức độ tối thiểu cần đạt được trong từng giai đoạn của kế hoạch.

3. Xây dựng quy chế thực hiện về dữ liệu mở chứa các nội dung sau:

a) Yêu cầu dữ liệu thu thập phải sử dụng định dạng mở;

b) Việc cộng tác với các tổ chức, cá nhân, nhà nghiên cứu, doanh nghiệp nhằm mục đích xác định nhu cầu, lợi ích của dữ liệu mở của cơ quan nhà nước.

4. Xác định cơ chế thu thập, phân tích thông tin phản hồi về việc sử dụng dữ liệu mở của cá nhân, tổ chức; chỉ định đầu mối liên hệ tiếp nhận thông tin

phản hồi của xã hội về các vấn đề liên quan đến chất lượng, tính khả dụng, định dạng, sự tuân thủ các quy định pháp luật liên quan đến dữ liệu mở.

5. Phát triển và thực thi quy trình đánh giá cải tiến kịp thời tính đầy đủ, chính xác, khả dụng, sẵn sàng của dữ liệu mở.

Điều 14. Kế hoạch và triển khai dữ liệu mở của các cơ quan nhà nước

Các cơ quan nhà nước có trách nhiệm xây dựng và thực thi kế hoạch dữ liệu mở bao gồm các nội dung cơ bản sau:

1. Phương thức truy cập trực tuyến vào dữ liệu mở.
2. Biện pháp phòng ngừa cần thiết để duy trì việc xây dựng và công bố các tập dữ liệu có liên quan trực tiếp đến các hoạt động bảo vệ an toàn cho con người và tài sản bị ảnh hưởng bởi kế hoạch dữ liệu mở của cơ quan mình.
3. Biện pháp thu hút tổ chức, cá nhân sử dụng dữ liệu mở:
 - a) Công bố dữ liệu mở tối thiểu sáu tháng một lần;
 - b) Tiếp nhận ý kiến phản hồi của tổ chức, cá nhân để xác định mức độ ưu tiên và thực hiện công bố dữ liệu mở phù hợp với nhu cầu;
 - c) Hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong xã hội, cộng đồng thực hiện các hoạt động xây dựng, đóng góp để mở rộng dữ liệu mở.

Điều 15. Yêu cầu trong việc công bố dữ liệu mở

1. Không tiết lộ thông tin cá nhân; đánh giá và hạn chế mức thấp nhất nguy cơ, rủi ro tiết lộ thông tin cá nhân một cách gián tiếp khi kết hợp với các thông tin khác.
2. Đảm bảo an toàn dữ liệu bao gồm cả rủi ro trực tiếp do dữ liệu được công bố gây ra hoặc rủi ro gián tiếp khi kết hợp với dữ liệu khác gây ra.
3. Hòa hài giữa chi phí và lợi ích cho công chúng khi chuyển đổi dữ liệu thành định dạng mà công chúng có thể hiểu và sử dụng.
4. Hạn chế mức độ ảnh hưởng đến trách nhiệm pháp lý.
5. Có sự đồng ý của tổ chức, cá nhân nếu dữ liệu đó phản ánh thông tin về đối tượng mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu.

Điều 16. Phương thức, cách thức công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước

Phương thức, cách thức công bố dữ liệu mở của cơ quan nhà nước phải đáp ứng các yêu cầu sau:

1. Thiết bị số xử lý được.

2. Có sẵn hoặc có khả năng chuyển đổi dễ cung cấp trong một định dạng mở.

3. Không bị hạn chế trong việc sử dụng hoặc tái sử dụng ngoại trừ hạn chế về quyền bảo vệ sở hữu trí tuệ.

Mục 3

BẢO ĐẢM KHẢ NĂNG SẴN SÀNG KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU

Điều 17. Quy chế chia sẻ dữ liệu

1. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quy chế chia sẻ dữ liệu của Cơ sở dữ liệu quốc gia được giao làm chủ quản, cơ sở dữ liệu của các Bộ, ngành, địa phương thuộc phạm vi của mình.

2. Quy chế chia sẻ dữ liệu của các cơ sở dữ liệu bộ, ngành, địa phương phải tuân thủ quy chế về chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu quốc gia nếu có liên quan.

3. Quy chế chia sẻ dữ liệu phải được công bố công khai.

Điều 18. Hình thức chia sẻ dữ liệu

1. Dữ liệu được chia sẻ giữa cơ quan nhà nước được chia sẻ qua các hình thức sau:

a) Kết nối, chia sẻ dữ liệu trực tuyến trên môi trường mạng giữa các hệ thống thông tin của cơ quan cung cấp dữ liệu và hệ thống thông tin của cơ quan khai thác dữ liệu.

b) Chia sẻ dữ liệu được đóng gói và lưu trữ trên các phương tiện lưu trữ thông tin.

2. Khuyến khích áp dụng hình thức chia sẻ dữ liệu được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này.

3. Đối với hình thức chia sẻ dữ liệu được quy định tại Điểm a, Khoản 1, Điều này, việc chia sẻ thực hiện được xác định liên tục theo thời hạn hoặc không xác định thời hạn kể từ khi cơ quan cung cấp chấp nhận chia sẻ dữ liệu.

4. Đối với hình thức chia sẻ dữ liệu được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này, cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm chia sẻ một lần khi giải quyết yêu cầu chia sẻ dữ liệu.

5. Cơ quan cung cấp dữ liệu phải công bố rõ hình thức chia sẻ và khả năng đáp ứng kết nối đến cơ sở dữ liệu theo các quy định tại Nghị định này khi thông báo dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

Điều 19. Dịch vụ cung cấp, chia sẻ dữ liệu

1. Việc kết nối, cung cấp, khai thác dữ liệu giữa các hệ thống thông tin phải thực hiện qua các dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

2. Chủ quản cơ sở dữ liệu có trách nhiệm thiết lập và công bố các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu kỹ thuật cần thiết phục vụ mục đích truy cập dữ liệu thuộc phạm vi dữ liệu do mình quản lý.

3. Cơ quan chủ quản các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu có trách nhiệm gửi tới cơ quan tiếp nhận thông báo về dịch vụ chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Khoản 4, Điều này.

4. Nội dung thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu bao gồm:

a) Danh sách dịch vụ chia sẻ dữ liệu và tài liệu kỹ thuật cần thiết kèm theo đảm bảo khả năng tiếp cận, kết nối sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu;

b) Cấu trúc dữ liệu được trao đổi.

5. Thẩm quyền tiếp nhận thông báo về dịch vụ chia sẻ dữ liệu:

a) Đối với các dịch vụ chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương, Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp nhận thông báo dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

b) Đối với các dịch vụ chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước trong nội bộ của bộ, ngành, địa phương, đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của bộ, ngành, địa phương đó tiếp nhận thông báo dịch vụ chia sẻ dữ liệu. Sau khi hoàn thành, cơ quan chuyên trách gửi thông tin về Bộ Thông tin và Truyền thông để theo dõi.

6. Hình thức thông báo dịch vụ chia sẻ dữ liệu:

a) Thông báo qua Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu. Cơ quan chủ quản hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu nhập trực tiếp thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu;

b) Thông báo trực tuyến qua phương tiện điện tử phù hợp;

c) Thông báo bằng văn bản nếu các hình thức trên không có sẵn.

7. Trong trường hợp cơ quan chủ quản thông báo qua hình thức quy định tại Điểm b, Điểm c, Khoản 6, Điều này, cơ quan tiếp nhận thông báo dịch vụ có trách nhiệm quản lý, cập nhật thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu lên Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu và công bố thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu phục vụ cho các cơ quan nhà nước khai thác.

8. Trong trường hợp thay đổi, cập nhật, bổ sung các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, cơ quan chủ quản hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu phải tiến hành cập nhật thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu hoặc thông báo cho cơ quan tiếp nhận thông báo dịch vụ chia sẻ dữ liệu để hiệu chỉnh, cập nhật kịp thời.

Điều 20. Công khai thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên môi trường mạng

1. Thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu phải công khai cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân biết và khai thác dữ liệu.
2. Hình thức công khai thông tin dịch vụ chia sẻ dữ liệu:
 - a) Công khai trên Hệ thống quản lý dịch vụ dữ liệu.
 - b) Công khai trên trang thông tin điện tử, cổng thông tin điện tử của các tổ chức, cá nhân chủ quản cơ sở dữ liệu.
 - c) Công khai bằng phương tiện khác phù hợp.
3. Cơ quan tiếp nhận thông báo dịch vụ dữ liệu có trách nhiệm công khai dịch vụ chia sẻ dữ liệu sau khi tiếp nhận.

Điều 21. Hệ thống quản lý dịch vụ chia sẻ dữ liệu

1. Là hệ thống thông tin quản lý tập trung danh mục các dịch vụ chia sẻ dữ liệu của các cơ quan nhà nước; hỗ trợ tìm kiếm, truy xuất, khai thác nguồn dữ liệu, dữ liệu được chia sẻ giữa các cơ quan nhà nước do Bộ Thông tin và Truyền thông thống nhất xây dựng và quản lý.
2. Cơ quan nhà nước tra cứu thông tin về dịch vụ chia sẻ dữ liệu trên Hệ thống quản lý dịch vụ dữ liệu để thực hiện kết nối, chia sẻ, khai thác tối đa các nguồn dữ liệu khả dụng của cơ quan nhà nước.

Điều 22. Đảm bảo điều kiện kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Cơ quan cung cấp và sử dụng dữ liệu có trách nhiệm đảm bảo điều kiện kỹ thuật phục vụ kết nối, trao đổi dữ liệu bao gồm:
 - a) Hệ thống thông tin và hạ tầng kết nối mạng phù hợp để cung cấp dữ liệu, khai thác dữ liệu;
 - b) Công cụ, biện pháp để bảo vệ dữ liệu trong quá trình chia sẻ, sử dụng dữ liệu;
 - c) Các điều kiện kỹ thuật khác phục vụ kết nối, tạo liên kết cung cấp dữ liệu và trao đổi dữ liệu.
2. Bộ Thông tin và Truyền thông tham mưu Thủ tướng Chính phủ triển khai các giải pháp đảm bảo điều kiện kỹ thuật phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu dùng chung toàn quốc.

Điều 23. Đảm bảo an toàn trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu

Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ các quy định của pháp luật về an toàn thông tin mạng, an ninh mạng.

Điều 24. Kinh phí bảo đảm kết nối và chia sẻ dữ liệu

1. Kinh phí thực hiện, duy trì thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu của bộ, cơ quan ngang bộ và địa phương được dự toán trong tổng kinh phí chi thường xuyên cho hoạt động quản lý nhà nước của bộ, ngành, địa phương hàng năm theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu được chi theo quy định của pháp luật về đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan.

3. Ngoài kinh phí do ngân sách nhà nước bảo đảm, bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được sử dụng các nguồn hợp pháp khác để thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Điều 25. Nguồn nhân lực bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Cơ quan nhà nước cung cấp và sử dụng dữ liệu có trách nhiệm đảm bảo các điều kiện về nhân lực phục vụ kết nối, chia sẻ.

2. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn nội dung đào tạo nguồn nhân lực bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Chương III THỰC HIỆN KẾT NỐI, CHIA SẺ, SỬ DỤNG DỮ LIỆU

Mục 1 TỔ CHỨC KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU

Điều 26. Kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa hệ thống thông tin trong phạm vi toàn quốc

1. Bộ Thông tin và Truyền thông tham mưu Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo thực hiện kết nối hệ thống thông tin giữa các bộ, ngành, địa phương trong phạm vi toàn quốc.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu, khai thác dữ liệu thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin trong phạm vi toàn quốc có trách nhiệm tổ chức kết nối, chuẩn bị điều kiện cần thiết để đáp ứng yêu cầu kết nối và thực hiện kết nối theo kế hoạch đề ra.

Điều 27. Kết nối, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi bộ, ngành, địa phương

1. Người đứng đầu của bộ, ngành, địa phương chỉ đạo kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống trong phạm vi Bộ, ngành, địa phương mình quản lý.

2. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin trình người đứng đầu của Bộ, ngành, địa phương ban hành danh sách các hệ thống, nội dung dữ liệu kết nối chia sẻ.

3. Cơ quan cung cấp dữ liệu, khai thác dữ liệu có trách nhiệm tổ chức kết nối, chuẩn bị điều kiện cần thiết để đáp ứng yêu cầu kết nối và thực hiện kết nối theo kế hoạch đề ra.

Mục 2 **CHIA SẺ DỮ LIỆU MẶC ĐỊNH**

Điều 28. Chuẩn bị và thực hiện cung cấp dữ liệu

Cơ quan cung cấp dữ liệu thực hiện các nội dung sau:

1. Xác định dữ liệu sẽ cung cấp qua hình thức chia sẻ dữ liệu mặc định.
2. Chuẩn bị dịch vụ chia sẻ dữ liệu, các tài liệu hướng dẫn kết nối khai thác dữ liệu.
3. Thông báo, công khai các dịch vụ chia sẻ dữ liệu.
4. Tiếp nhận các yêu cầu kết nối sử dụng các dịch vụ chia sẻ dữ liệu, khai thác dữ liệu từ các bên có nhu cầu sử dụng dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

Điều 29. Dữ liệu chia sẻ theo hình thức chia sẻ mặc định

1. Dữ liệu được chia sẻ theo hình thức chia sẻ mặc định bao gồm những loại dữ liệu sau:

- a) Dữ liệu từ cơ sở dữ liệu quốc gia;
- b) Dữ liệu danh mục dùng chung;
- c) Dữ liệu dùng chung.;

d) Các loại dữ liệu khác được nhiều cơ quan nhà nước khác sử dụng theo cùng một phương thức về định dạng, cấu trúc, tiêu chuẩn, quy chuẩn về dữ liệu.

2. Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương ban hành danh mục dữ liệu chia sẻ theo hình thức mặc định; quy chế chia sẻ, đầu mối tiếp nhận và xử lý yêu cầu chia sẻ dữ liệu trong phạm vi ngành, lĩnh vực hoặc địa phương mình quản lý.

Điều 30. Gửi yêu cầu kết nối, sử dụng dữ liệu

1. Trừ trường hợp khai thác các dịch vụ chia sẻ dữ liệu không yêu cầu định danh đối tượng sử dụng, cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng dữ liệu, dịch vụ chia sẻ dữ liệu gửi yêu cầu kết nối, sử dụng dữ liệu về cơ quan cung cấp dữ liệu.

2. Cơ quan, đơn vị có nhu cầu sử dụng dữ liệu, dịch vụ chia sẻ dữ liệu gửi yêu cầu theo một trong các hình thức sau:

- a) Hình thức trực tuyến;
- b) Các hình thức khác được cơ quan cung cấp dữ liệu chấp nhận.

3. Nội yêu cầu kết nối, khai thác dữ liệu

- a) Tên cơ quan, đơn vị yêu cầu;
- b) Chức năng, nhiệm vụ quyền hạn được giao có liên quan đến dữ liệu cần sử dụng.
- c) Mục đích, giải pháp sử dụng dữ liệu sau khi khai thác.
- d) Nội dung dữ liệu đề nghị được cung cấp. Nêu rõ tên và số lượng từng mục tin cần tiếp nhận;
- đ) Tên dịch vụ chia sẻ dữ liệu.
- e) Các thông tin khác (nếu có).

3. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được đăng ký, cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm tạo tài khoản kết nối và thông báo cho cơ quan, đơn vị yêu cầu. Trong trường hợp từ chối đăng ký phải nêu rõ lý do từ chối.

Mục 3

CHIA SẺ DỮ LIỆU THEO THỎA THUẬN

Điều 31. Nguyên tắc chia sẻ dữ liệu theo thỏa thuận

1. Thực hiện theo nguyên tắc được quy định tại Điều 5 của Nghị định này.
2. Thỏa thuận chia sẻ dữ liệu phải được sự đồng thuận và thống nhất của cơ quan cung cấp dữ liệu và cơ quan khai thác dữ liệu.
3. Thỏa thuận chia sẻ dữ liệu phải lập thành văn bản.
4. Cơ quan chưa tham gia thỏa thuận chia sẻ dữ liệu đang có hiệu lực có quyền đề nghị tham gia và trở thành một trong các bên thực hiện thỏa thuận đó.
5. Thỏa thuận chia sẻ dữ liệu trong phạm vi quản lý của Bộ, ngành, địa phương phải gửi cho đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của Bộ, ngành, địa phương đó trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thỏa thuận được ký kết để theo dõi và xử lý vướng mắc khi cần thiết.
6. Thỏa thuận chia sẻ dữ liệu trong phạm vi toàn quốc phải gửi Bộ Thông tin và Truyền thông trong vòng 10 ngày làm việc kể từ khi thỏa thuận được ký kết để theo dõi và xử lý vướng mắc khi cần thiết.

Điều 32. Trình tự chuẩn bị kết nối, chia sẻ dữ liệu

Cơ quan cung cấp dữ liệu và cơ quan khai thác dữ liệu có trách nhiệm phối hợp thực hiện các nội dung công việc sau:

1. Rà soát nhu cầu kết nối và chia sẻ dữ liệu, các quy định có liên quan.
2. Phối hợp xây dựng dự thảo thỏa thuận chia sẻ dữ liệu.
3. Đăng tải, tham vấn ý kiến của các cơ quan, tổ chức cá nhân về thỏa thuận chia sẻ dữ liệu (nếu cần thiết).
4. Ký kết thỏa thuận chia sẻ dữ liệu.
5. Triển khai thực hiện theo thỏa thuận chia sẻ dữ liệu đã ký kết.

Điều 33. Nội dung của thỏa thuận chia sẻ dữ liệu

1. Danh sách các bên tham gia thỏa thuận chia sẻ dữ liệu.
2. Nội dung dữ liệu sẽ được chia sẻ giữa các bên.
3. Mục đích chia sẻ, sử dụng dữ liệu.
4. Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan sử dụng dữ liệu.
5. Cơ sở pháp lý cho việc chia sẻ và sử dụng dữ liệu, quyền khai thác, sử dụng của bên khai thác.
6. Địa điểm chia sẻ và sử dụng dữ liệu.
7. Dữ liệu sẽ được chia sẻ một lần hoặc sẽ kết nối và chia sẻ trong khoảng thời gian xác định.
8. Phương thức, cách thức sẽ xử lý sau khi tiếp nhận dữ liệu.
9. Các điều kiện, giới hạn trong việc chia sẻ và sử dụng dữ liệu chia sẻ các bên phải tuân thủ.
10. Sự cam kết giữa các bên tuân thủ các quy định về bảo vệ dữ liệu, thực hiện thỏa thuận chia sẻ dữ liệu
11. Các biện pháp bảo mật áp dụng cho việc truyền, lưu trữ, truy cập dữ liệu
12. Các yêu cầu liên quan đến việc lưu trữ dữ liệu sau khi chia sẻ; dữ liệu phát sinh từ việc xử lý dữ liệu sau chia sẻ trong suốt thời gian thực hiện thỏa thuận và sau khi chấm dứt thỏa thuận.
13. Phương thức được sử dụng để xóa, hủy dữ liệu sau khi chia sẻ hoặc xóa, hủy dữ liệu vào thời điểm kết thúc hiệu lực thỏa thuận chia sẻ.
14. Thủ tục để một bên có thể rút khỏi thỏa thuận chia sẻ dữ liệu.
15. Các vấn đề khác có ảnh hưởng đến việc chia sẻ mà các bên tham gia chia sẻ dữ liệu thống nhất.

Điều 34. Thực hiện kết nối, chia sẻ, sử dụng dữ liệu

Việc triển khai thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu, sử dụng dữ liệu được thực hiện theo các nội dung trong thỏa thuận chia sẻ dữ liệu đã được các bên thống nhất.

Mục 4**QUẢN LÝ KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU****Điều 35. Tài khoản và quản lý tài khoản kết nối**

1. Trừ trường hợp chia sẻ dữ liệu không yêu cầu xác thực cơ quan khai thác dữ liệu thể hiện trong quy chế chia sẻ dữ liệu đã ban hành, việc kết nối và chia sẻ dữ liệu cho cơ quan khai thác phải sử dụng tài khoản kết nối.

2. Trong trường hợp chia sẻ gián tiếp, chủ quản cơ sở dữ liệu có thể lựa chọn ủy thác cho đơn vị trung gian quản lý và cấp phát tài khoản kết nối và khai thác dữ liệu.

3. Việc cấp phát tài khoản kết nối và khai thác dữ liệu phải tuân thủ quy chế về chia sẻ dữ liệu của cơ sở dữ liệu được chia sẻ.

Điều 36. Thời hạn sử dụng dữ liệu sau khi khai thác

1. Dữ liệu khai thác từ việc chia sẻ của các cơ sở dữ liệu có thời hạn sử dụng nhất định. Thời hạn sử dụng phải được thể hiện rõ trong quy chế khai thác cơ sở dữ liệu đó.

2. Thời hạn sử dụng dữ liệu đối với một số hình thức khai thác như sau:

a) Dữ liệu khai thác từ việc kết nối giữa các hệ thống thông tin qua dịch vụ chia sẻ dữ liệu có giá trị sử dụng ngay khi khai thác từ cơ sở dữ liệu nếu không có quy định khác.

b) Dữ liệu được khai thác theo phương thức đồng bộ dữ liệu giữa hai cơ sở dữ liệu được phép sử dụng trong thời hạn nhất định. Thời hạn sử dụng dữ liệu tính từ thời điểm lần đồng bộ cuối cùng từ cơ sở dữ liệu nguồn sang cơ sở dữ liệu đích. Hết thời hạn sử dụng, cơ sở dữ liệu đích phải thực hiện việc đồng bộ dữ liệu.

c) Dữ liệu được khai thác theo hình thức đóng gói và lưu trữ trên các phương tiện được phép sử dụng nhiều lần trong phạm vi thời gian hạn định. Hết thời gian hạn định, dữ liệu không có giá trị sử dụng và phải được hủy theo quy định.

Điều 37. Lưu trữ dữ liệu khi kết nối, khai thác

Cơ quan khai thác dữ liệu được lưu trữ, sử dụng dữ liệu trong các trường hợp sau:

1. Để đảm bảo hiệu năng của hệ thống và được sự đồng ý của cơ quan cung cấp dữ liệu.

2. Trong trường hợp có quy định của pháp luật cho phép lưu trữ.

Điều 38. Tạm ngừng kết nối, cung cấp dữ liệu trên môi trường mạng do cơ quan cung cấp

1. Cơ quan cung cấp dữ liệu tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu, cho tất cả các bên khai thác trong trường hợp sau:

a) Nâng cấp, mở rộng, bảo trì hệ thống thông tin, cơ sở hạ tầng thông tin.

b) Trường hợp bất khả kháng làm gián đoạn cung cấp dịch vụ, kết nối hoặc có ảnh hưởng đến hoạt động của hệ thống thông tin, sự an toàn dữ liệu.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu tạm ngừng dịch vụ dữ liệu cho một hoặc một số cơ quan khai thác trong những trường hợp sau:

a) Cơ quan khai thác vi phạm quy chế về khai thác thông tin;

b) Kết nối dữ liệu được xác định có khả năng làm mất an toàn, an ninh về dữ liệu.

3. Trong trường hợp tạm ngừng kết nối, cung cấp dịch vụ theo Điểm a Khoản 1 Điều này, cơ quan cung cấp phải thông báo công khai ít nhất 07 ngày làm việc trước khi chủ động tạm ngừng cung cấp dữ liệu và dịch vụ đồng thời thông báo khoảng thời gian dự kiến phục hồi các hoạt động cung cấp thông tin và dịch vụ trên môi trường mạng để sửa chữa, khắc phục các sự cố hoặc nâng cấp, mở rộng cơ sở hạ tầng thông tin. Thời gian thực hiện nâng cấp, mở rộng, bảo trì hệ thống phải hạn chế thấp nhất rủi ro cho cơ quan khai thác, sử dụng dữ liệu do việc gián đoạn, tạm ngừng cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu gây ra.

4. Trong trường hợp bất khả kháng phải tạm ngừng cung cấp dịch vụ theo Điểm b Khoản 1 Điều này, cơ quan cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu phải thông báo công khai bằng hình thức phù hợp và tiến hành nhanh chóng các biện pháp khắc phục sự cố ngay làm ảnh hưởng nghiêm trọng hoặc gây ngừng cung cấp thông tin và dịch vụ của cơ quan đó trên môi trường mạng.

5. Trường hợp tạm ngừng kết nối theo Khoản 2 của điều này, cơ quan cung cấp dịch vụ chia sẻ dữ liệu phải thông báo cho bên khai thác dữ liệu lý do tạm ngừng kết nối.

Điều 39. Chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu qua môi trường mạng

1. Cơ quan cung cấp có quyền chấm dứt việc kết nối, chia sẻ dữ liệu qua môi trường mạng cho bên khai thác dữ liệu cụ thể trong trường hợp sau:

a) Mục đích sử dụng dữ liệu của bên khai thác dữ liệu không còn phù hợp với mục đích tại thời điểm đăng ký ban đầu;

b) Việc kết nối không thể khôi phục do sự cố hoặc do điều kiện khách quan cơ quan cung cấp dữ liệu không thể tiếp tục duy trì các dịch vụ chia sẻ dữ liệu;

c) Theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc cơ quan điều phối kết nối, chia sẻ dữ liệu được quy định tại Nghị định này;

d) Cơ quan khai thác dữ liệu không có nhu cầu tiếp tục kết nối và khai thác dữ liệu hoặc thỏa thuận chia sẻ dữ liệu hết hiệu lực.

2. Cơ quan khai thác dữ liệu có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ (nếu có) trong quá trình chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu.

3. Cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm thông báo kết quả chấm dứt kết nối, chia sẻ dữ liệu cho bên khai thác dữ liệu, cơ quan điều phối kết nối, chia sẻ dữ liệu.

Điều 40. Lưu trữ nhật ký chia sẻ dữ liệu

1. Cơ quan cung cấp dữ liệu, chấp nhận kết nối và chia sẻ dữ liệu phải lưu lại lịch sử thông tin yêu cầu dữ liệu của bên khai thác dữ liệu, nội dung đã chia sẻ dữ liệu cho bên khai thác làm căn cứ đối chiếu, giải quyết các vấn đề về việc sử dụng thông tin sau khi khai thác.

2. Nội dung thông tin lịch sử lưu trữ bao gồm:

- a) Thời điểm, hình thức yêu cầu dữ liệu;
- b) Định danh bên yêu cầu khai thác dữ liệu;
- c) Nội dung yêu cầu;
- d) Nội dung dữ liệu đã cung cấp (nếu cần thiết);
- e) Các thông tin cần thiết khác làm cơ sở đối chiếu giải quyết mâu thuẫn về khai thác dữ liệu.

3. Thời gian lưu trữ nhật ký tối thiểu 24 tháng kể từ thời điểm lưu trữ thông tin lịch sử.

Điều 41. Mô hình kết nối, chia sẻ dữ liệu

Mô hình chia sẻ dữ liệu phải tuân thủ Khung kiến trúc chính phủ điện tử Việt Nam, kiến trúc chính phủ điện tử cấp bộ, kiến trúc chính quyền điện tử cấp tỉnh.

Mục 5

ĐIỀU PHỐI, GIẢI QUYẾT VƯỚNG MẮC KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU

Điều 42. Các loại vướng mắc khi kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu

Vướng mắc về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu bao gồm:

1. Vướng mắc về quyền và nghĩa vụ chia sẻ, khai thác dữ liệu theo quy định pháp luật.
2. Vướng mắc về hạ tầng kỹ thuật triển khai kết nối, chia sẻ.

3. Vương mắc về việc áp dụng, tuân thủ tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định về dữ liệu.
4. Vương mắc về chất lượng dữ liệu chia sẻ, sử dụng dữ liệu sau khi chia sẻ.
5. Vương mắc về phương án kết nối, chia sẻ dữ liệu.
6. Các vấn đề khác ảnh hưởng đến quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

Điều 43. Thẩm quyền giải quyết vương mắc

1. Bộ Thông tin và Truyền thông tiếp nhận và giải quyết vương mắc kết nối, chia sẻ trên phạm vi toàn quốc.
2. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các bộ, ngành có tiếp nhận và giải quyết vương mắc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong phạm vi quản lý của bộ, ngành mình.
3. Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết vương mắc kết nối, chia sẻ dữ liệu tại địa phương mình.
4. Trong trường hợp việc xử lý vương mắc kết nối, chia sẻ dữ liệu vượt quá thẩm quyền, cơ quan, đơn vị chủ trì xử lý vương mắc báo cáo người có thẩm quyền xử lý.

Điều 44. Trình tự xử lý vương mắc

1. Cơ quan gặp vương mắc kết nối, chia sẻ dữ liệu gửi thông tin cho cơ quan có thẩm quyền giải quyết vương mắc theo quy định tại Điều 43 Nghị định này để đánh giá các vấn đề liên quan đến vương mắc.
2. Căn cứ trên thông tin được cung cấp, cơ quan có thẩm quyền giải quyết vương mắc hướng dẫn các cơ quan có liên quan phương án xử lý.
3. Trong trường hợp vương mắc liên quan đến nhiều cơ quan, hoặc có ý kiến không thống nhất về phương án xử lý, cơ quan có thẩm quyền giải quyết vương mắc tổ chức cuộc họp giữa các bên liên quan để thống nhất phương án xử lý.
4. Trường hợp không đủ thẩm quyền giải quyết, cơ quan có thẩm quyền giải quyết vương mắc báo cáo cơ quan quản lý cấp trên quyết định phương án xử lý vương mắc.

Điều 45. Phương án giải quyết và triển khai tuân thủ phương án xử lý vương mắc

1. Nguyên tắc giải quyết vương mắc:
 - a) Đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Tôn trọng thỏa thuận chia sẻ dữ liệu của các bên tham gia đã ký kết (nếu có).

c) Đảm bảo hài hòa lợi ích của các bên tham gia, vì mục đích chung, tôn trọng phương án tự giải quyết của các bên.

2. Cơ quan liên quan có trách nhiệm tuân thủ phương án giải quyết vướng mắc được ban hành.

3. Cơ quan có thẩm quyền giải quyết vướng mắc có trách nhiệm kiểm tra bảo đảm sự tuân thủ phương án xử lý vướng mắc.

Chương IV

QUẢN TRỊ DỮ LIỆU, CHIA SẺ, KHAI THÁC DỮ LIỆU, QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM TRONG KẾT NỐI, CHIA SẺ DỮ LIỆU

Điều 46. Hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu

1. Hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu bao gồm:

a) Xây dựng kế hoạch phát triển dữ liệu, các cơ sở dữ liệu đảm bảo khả năng kết nối, chia sẻ, sử dụng chung dữ liệu trong cơ quan nhà nước;

b) Xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật, các quy chế về chia sẻ dữ liệu của các cơ sở dữ liệu; các quy chuẩn, tiêu chuẩn về cấu trúc dữ liệu trao đổi; các tài liệu kỹ thuật về trao đổi dữ liệu;

c) Tổ chức, cung cấp, khai thác, chia sẻ, sử dụng nguồn dữ liệu phục vụ hoạt động cơ quan nhà nước và chia sẻ dữ liệu cho các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật;

d) Điều phối, kiểm tra, giám sát và giải quyết các vướng mắc trong quá trình thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu;

đ) Kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu;

e) Tích hợp dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu phục vụ hỗ trợ quản lý nhà nước và xây dựng chiến lược phát triển dài hạn;

g) Quản lý chất lượng dữ liệu.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu và cơ quan khai thác dữ liệu có trách nhiệm thực hiện một phần hoặc toàn bộ các hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu theo quy định tại Khoản 1 Điều này, tuân thủ các quy định của pháp luật, Khung chia sẻ dữ liệu và hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Điều 47. Thanh tra, kiểm tra, giám sát quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu

1. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo thống nhất về chuyên môn nghiệp vụ, thanh tra, kiểm tra hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu trên phạm vi toàn quốc.

b) Xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống giám sát kết nối, chia sẻ dữ liệu trên phạm vi toàn quốc.

2. Người đứng đầu cơ quan cấp bộ có trách nhiệm chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu tại bộ, ngành mình quản lý.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: chỉ đạo, thanh tra, kiểm tra quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu ở địa phương.

Điều 48. Kiểm tra đánh giá dữ liệu, duy trì dữ liệu

1. Dữ liệu phải được kiểm tra, đánh giá định kỳ hàng năm.

2. Nội dung kiểm tra, đánh giá dữ liệu, duy trì dữ liệu bao gồm:

a) Đánh giá tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn về dữ liệu;

b) Đánh giá chất lượng dữ liệu bao gồm: độ chính xác dữ liệu, độ toàn vẹn của dữ liệu, dữ liệu bất thường;

c) Đánh giá về duy trì, vận hành, cập nhật dữ liệu, nhật ký cập nhật, khai thác của dữ liệu;

d) Đánh giá về chia sẻ dữ liệu, đối tượng sử dụng, mục đích chia sẻ phù hợp với các quy định, quy chế về chia sẻ dữ liệu;

e) Các nội dung khác theo sự hướng dẫn của các cơ quan quản lý chuyên ngành về công nghệ thông tin phù hợp với từng thời điểm, giai đoạn cụ thể.

3. Kết quả đánh giá phải lập thành văn bản đồng thời đề xuất các nội dung điều chỉnh cần thiết (nếu có).

4. Chủ quản cơ sở dữ liệu có trách nhiệm tự tổ chức kiểm tra đánh giá định kỳ dữ liệu, gửi báo cáo về đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các Bộ, ngành, địa phương.

5. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin có trách nhiệm lập, và thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, đánh giá dữ liệu trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt và thực hiện chương trình, kế hoạch kiểm tra, đánh giá, duy trì dữ liệu đối với các cơ sở dữ liệu trong phạm vi bộ, ngành, địa phương quản lý.

6. Đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin của các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm hướng dẫn các chủ quản cơ sở dữ liệu tự kiểm tra, đánh giá theo định kỳ.

7. Bộ Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm lập kế hoạch và thực hiện kiểm tra, đánh giá dữ liệu, duy trì dữ liệu của các cơ sở dữ liệu quốc gia.

Điều 49. Tích hợp dữ liệu, phân tích, tổng hợp dữ liệu phục vụ các hoạt động của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

1. Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn, giám sát việc thiết lập, duy trì và vận hành hạ tầng kết nối, tích hợp dữ liệu, thu thập và phân tích, tổng hợp dữ liệu, cung cấp, cập nhật thông tin kịp thời phục vụ các hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Văn phòng chính phủ chủ trì thực hiện việc thu thập và phân tích, tổng hợp dữ liệu, cung cấp, cập nhật thông tin kịp thời phục vụ các hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Điều 50. Quyền và trách nhiệm của cơ quan cung cấp dữ liệu

1. Cơ quan cung cấp dữ liệu có quyền sau:

a) Từ chối đề nghị chia sẻ dữ liệu nếu nhận thấy việc chia sẻ dữ liệu có nguy cơ vi phạm các quy định của pháp luật. Trong trường hợp này, cơ quan cung cấp dữ liệu phải thông báo cho cơ quan quản lý nhà nước về chia sẻ dữ liệu.

b) Yêu cầu cơ quan, đơn vị sử dụng dữ liệu thông báo tình hình sử dụng dữ liệu đã chia sẻ trong trường hợp có nghi ngờ việc sử dụng dữ liệu không đúng mục đích.

c) Tạm dừng hoặc ngừng kết nối chia sẻ dữ liệu nếu cơ quan khai thác, sử dụng dữ liệu không tuân thủ theo quy chế, thỏa thuận dữ liệu.

2. Cơ quan cung cấp dữ liệu có trách nhiệm sau:

a) Phân loại dữ liệu theo các hình thức chia sẻ dữ liệu theo **Error! Reference source not found.** của Nghị định này.

b) Hoàn thiện cơ sở hạ tầng thông tin để sẵn sàng cung cấp và trao đổi dữ liệu.

c) Xây dựng và hoàn thiện các quy chế, tài liệu hướng dẫn chia sẻ dữ liệu

d) Quản lý, công bố dữ liệu theo quy định của pháp luật; đảm bảo việc quản lý dữ liệu của cơ quan phù hợp với thực tiễn quản lý dữ liệu.

đ) Đảm bảo chất lượng dữ liệu được cung cấp; cập nhật dữ liệu kịp thời.

e) Rà soát, đánh giá cơ sở hạ tầng thông tin, hạn chế các rào cản về điều kiện cơ sở hạ tầng thông tin phục vụ cung cấp, chia sẻ dữ liệu; đánh giá các vướng mắc và đề xuất giải pháp tháo gỡ trong việc cung cấp dữ liệu, trao đổi dữ liệu; báo cáo cấp có thẩm quyền và cơ quan quản lý nhà nước về chia sẻ dữ liệu.

g) Báo cáo cơ quan quản lý nhà nước về chia sẻ dữ liệu kết quả cung cấp và trao đổi dữ liệu khi có yêu cầu.

h) Tuân thủ các quy định, thủ tục, hướng dẫn, quy tắc, điều kiện được cơ quan quản lý nhà nước về chia sẻ dữ liệu ban hành.

Điều 51. Quyền và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu

1. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu có quyền sau:

a) Khai thác, sử dụng dữ liệu theo mục đích phù hợp.

b) Đề nghị cơ quan quản lý nhà nước xử lý các vướng mắc làm ảnh hưởng đến quyền khai thác, sử dụng chia sẻ dữ liệu của mình.

2. Tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng dữ liệu có trách nhiệm sau:

a) Tuân thủ các nguyên tắc quy định của Nghị định này và các quy định của cấp có thẩm quyền về kết nối, chia sẻ dữ liệu.

b) Khai thác và sử dụng dữ liệu đúng phạm vi cho phép theo quy chế về chia sẻ dữ liệu, thỏa thuận về chia sẻ dữ liệu và các văn bản có liên quan.

c) Thông báo kịp thời cho chủ quản sở hữu dữ liệu về những sai sót của dữ liệu đã chia sẻ.

Điều 52. Trách nhiệm của Bộ Thông tin và Truyền thông

1. Giám sát việc thực thi các quy định trong Nghị định này và các quy định của pháp luật có liên quan đến quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu.

2. Phối hợp với các cơ quan có liên quan xây dựng, cập nhật cơ sở dữ liệu.

3. Xây dựng và công bố danh sách các cơ quan cung cấp dữ liệu, danh mục dữ liệu được cung cấp làm cơ sở để các cơ quan nhà nước tham chiếu và khai thác.

4. Phối hợp với các cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Khung chia sẻ dữ liệu.

5. Nghiên cứu, trao đổi kinh nghiệm quốc tế, các xu hướng phát triển về công nghệ về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu đảm bảo thực hiện chức năng quản lý nhà nước về kết nối, chia sẻ dữ liệu.

6. Theo dõi, giám sát sự tuân thủ về mặt kỹ thuật các hệ thống thông tin của các cơ quan cung cấp dữ liệu, khai thác dữ liệu theo quy định kỹ thuật về kết nối, chia sẻ dữ liệu.

7. Thực hiện hoặc đề xuất thực hiện các biện pháp đảm bảo các cơ quan cung cấp dữ liệu phải chuẩn hóa dữ liệu chia sẻ, tránh trùng lặp hoặc xung đột dữ liệu.

8. Giám sát thực hiện các quy chế, quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn, hướng dẫn về cung cấp và trao đổi dữ liệu của các cơ quan cung cấp dữ liệu để đảm bảo sự thống nhất và phù hợp với các quy định chung.

9. Xây dựng, quản lý, tổ chức vận hành Hệ thống quản lý dịch vụ dữ liệu; tiếp nhận và quản lý các thông báo về các dịch vụ chia sẻ dữ liệu.

10. Xây dựng và ban hành, cập nhật Khung chia sẻ dữ liệu, hướng dẫn các Bộ, ngành, địa phương triển khai chia sẻ phù hợp với Khung chia sẻ dữ liệu.

11. Thực hiện hợp tác quốc tế về quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu.

12. Tổ chức đào tạo, chuyển giao công nghệ, tuyên truyền nâng cao nhận thức về kết nối, chia sẻ dữ liệu.

13. Xem xét, rà soát, đánh giá các báo cáo về kết nối, trao đổi dữ liệu của các cơ quan cung cấp dữ liệu; đề xuất các biện pháp, quy trình phối hợp để tối ưu hóa việc kết nối, chia sẻ dữ liệu.

14. Tiếp nhận các ý kiến phản ánh, các đề xuất, kiến nghị, các khó khăn, vướng mắc liên quan đến sự vi phạm, không tuân thủ các quy định của pháp luật về việc kết nối, chia sẻ dữ liệu, xử lý theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý.

15. Hướng dẫn các biện pháp nhằm giải quyết các khó khăn, vướng mắc, thách thức đặt ra trong việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong cơ quan nhà nước.

16. Hướng dẫn các đơn vị chuyên trách công nghệ thông tin của các Bộ, ngành, địa phương thực hiện nhiệm vụ quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo quy định tại Nghị định này.

Điều 53. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ

1. Văn phòng Chính phủ

a) Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông tham mưu Thủ tướng Chính phủ các biện pháp thúc đẩy việc kết nối, chia sẻ dữ liệu trong cơ quan nhà nước..

b) Triển khai việc ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập và phân tích, tổng hợp dữ liệu, cung cấp, cập nhật thông tin kịp thời phục vụ các hoạt động chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư phát triển cho việc xây dựng, nâng cấp hệ thống thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo các quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật

3. Bộ Tài chính:

Ưu tiên bố trí kinh phí cho việc thực hiện các nhiệm vụ quản lý, kết nối, chia sẻ dữ liệu theo các quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật

4. Bộ Công an:

Hướng dẫn, các biện pháp bảo đảm an ninh mạng trong quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu.

5. Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc chính phủ có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan cung cấp dữ liệu theo quy định tại Nghị định này nếu có dữ liệu chia sẻ.

b) Trong phạm vi của mình xây dựng, ban hành, cập nhật danh mục dữ liệu được chia sẻ theo hình thức chia sẻ mặc định.

c) Chỉ đạo, thực hiện các hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định tại Điều 46 của Nghị định này.

d) Chỉ đạo và xây dựng, ban hành quy chế chia sẻ dữ liệu trong phạm vi quản lý của mình.

đ) Bố trí kinh phí cho các hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu.

e) g) Thực hiện việc kết nối, chia sẻ dữ liệu của bộ, ngành mình theo quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật

g) Căn cứ tình hình thực tế, điều chỉnh, đề xuất điều chỉnh các văn bản quy phạm pháp luật để đơn giản hóa các thủ tục hành chính, nghiệp vụ hành chính chuyên ngành trên cơ sở khai thác dữ liệu được chia sẻ.

Điều 54. Trách nhiệm ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Thực hiện các nhiệm vụ của cơ quan cung cấp dữ liệu theo quy định tại Nghị định này nếu có dữ liệu chia sẻ.

2. Trong phạm vi của mình xây dựng, ban hành, cập nhật danh mục dữ liệu được chia sẻ theo hình thức chia sẻ mặc định.

3. Chỉ đạo, thực hiện các hoạt động quản trị dữ liệu, quản trị chia sẻ, khai thác dữ liệu thuộc phạm vi quản lý của mình theo quy định tại Điều 46 của Nghị định này.

4. Chỉ đạo và xây dựng, ban hành quy chế chia sẻ dữ liệu trong phạm vi quản lý của mình.

5. Bố trí kinh phí cho các hoạt động kết nối, chia sẻ dữ liệu.

6. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trực thuộc xây dựng phương án kết nối và sử dụng dữ liệu; tổ chức hệ thống thông tin tương thích để sẵn sàng kết nối, chia sẻ dữ liệu với cơ sở dữ liệu quốc gia; cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương và các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động của cơ quan nhà nước.

Chương V **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 55. Điều khoản chuyển tiếp

1. Các cơ sở dữ liệu quốc gia đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt chưa thuộc danh mục các cơ sở dữ liệu quốc gia được Thủ tướng Chính phủ ban hành phải thực hiện theo quy định tại Điều 12 của Nghị định này trong vòng 06 tháng kể từ ngày Nghị định có hiệu lực

2. Việc kết nối, chia sẻ dữ liệu hiện đang hoạt động đáp ứng nhu cầu về chia sẻ dữ liệu trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực cần có lộ trình phù hợp để tuân thủ này nếu chưa đáp ứng các yêu cầu quy định tại Nghị định.

Điều 56. Điều khoản tham chiếu (PA1: bỏ; PA2: giữ)

Trong trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định được viện dẫn trong Nghị định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 57. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm ...

Điều 58. Trách nhiệm thi hành

1. Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan

thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT Chính phủ, Người phát ngôn của Thủ tướng Chính phủ, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CN (5b). A.

**TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Xuân Phúc